Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3703.10.10

Mã HS	3703.10.10
Mô tả hàng hóa	Giấy, bìa và vật liệu dệt để tạo ảnh, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng / - Ở dạng cuộn, có chiều rộng trên 610 mm: / - - Chiều rộng không quá 1.000 mm
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 06:09:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/37031010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	9	9%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5258
Thuế NK ưu đãi (MFN)	6	6%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5258
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5258
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4.2	4,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5138
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5099
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5099
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5099
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5099
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5099
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5099
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E5143
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5143

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5143
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5143
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5143
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5143
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5141
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5141
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5141
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5141
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5141
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5141
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5141
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5105
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5101
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5101
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5101
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5101
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5101
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5101
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5110
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5110
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5110
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5110
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5110
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5110
VCFTA	2022	2022	3	VC!D5148
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5148

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5148
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5148
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5148
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5148
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5145
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5145
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5145
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5145
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5145
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5145
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5153
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5153
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5153
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5153
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5153
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5153
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5124
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5124
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5124
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5124
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5124
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5124
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5126
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5126
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5126
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5126

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5126
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5126
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5124
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5124
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5124
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5124
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5124
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5124
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5124
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5145
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5145
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5145
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5145
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5145
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5145
RCEP B	2022	2022	0	B!D5145
RCEP B	2023	2023	0	B!E5145
RCEP B	2024	2024	0	B!F5145
RCEP B	2025	2025	0	B!G5145
RCEP B	2026	2026	0	B!H5145
RCEP B	2027	2027	0	B!I5145
RCEP C	2022	2022	0	C!D5145
RCEP C	2023	2023	0	C!E5145
RCEP C	2024	2024	0	C!F5145
RCEP C	2025	2025	0	C!G5145
RCEP C	2026	2026	0	C!H5145

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5145
RCEP D	2022	2022	0	D!D5145
RCEP D	2023	2023	0	D!E5145
RCEP D	2024	2024	0	D!F5145
RCEP D	2025	2025	0	D!G5145
RCEP D	2026	2026	0	D!H5145
RCEP D	2027	2027	0	D!I5145
RCEP E	2022	2022	0	E!D5148
RCEP E	2023	2023	0	E!E5148
RCEP E	2024	2024	0	E!F5148
RCEP E	2025	2025	0	E!G5148
RCEP E	2026	2026	0	E!H5148
RCEP E	2027	2027	0	E!I5148
RCEP F	2022	2022	0	F!D5145
RCEP F	2023	2023	0	F!E5145
RCEP F	2024	2024	0	F!F5145
RCEP F	2025	2025	0	F!G5145
RCEP F	2026	2026	0	F!H5145
RCEP F	2027	2027	0	F!I5145
VIFTA	2024	2024	5,4	VI!F4741
VIFTA	2025	2025	4.8	VI!G4741
VIFTA	2026	2026	4.2	VI!H4741
VIFTA	2027	2027	3.6	VI!I4741

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3703.10 có 2 dòng thuế; dòng 3703.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Chiều rộng không quá 1.000 mm.	3703.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3703.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 6% của mã 3703.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5258), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.